

Bản án số: 346/2018/HS-ST
Ngày: 05-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh
2. Bà Hàn Hòa Thuận
3. Bà Võ Thị Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 505/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4236/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H., sinh ngày 12 tháng 12 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr. và bà Nguyễn Thị Thu H2.; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Võ Thị T. (là bị cáo trong cùng vụ án) và 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 14/12/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” (Bản án số 1814);

- Ngày 12/11/1997, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” và 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo pH. chấp hành hình phạt chung là 45 tháng tù (Bản án số 235/ST.HS).

Bị bắt tạm giam ngày 13/3/2018 (Có mặt).

2. Võ Thị T., sinh ngày 18 tháng 6 năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số X, đường Y, phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S. (c) và bà Nguyễn Thị A. (c); hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Trần Văn H. (là bị cáo trong cùng vụ án) và 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày 06/10/2017 (Có mặt).

3. Võ Lâm Hoàng Anh Ng., sinh ngày 18 tháng 7 năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số X3, đường Y3, phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Phước Đ. (c) và bà Võ Thị Mỹ L. (c); hoàn cảnh gia đình: Có vợ và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/10/2017 (Có mặt).

Người bào chữa:

Ông Trịnh Bá Thân, luật sư của Văn phòng luật sư Trịnh Bá Thân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Văn H. và bị cáo Võ Thị T. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 14 giờ 20 phút ngày 05/10/2017, tại trước nhà số X4, đường Y4, phường Z4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 8 phối hợp cùng Công an Phường Z4, Quận 8 kiểm tra hành chính đối với Võ Lâm Hoàng Anh Ng. là người đang ngồi phía sau xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đen biển số 59M1-058.94 do Nguyễn Hồng Phi T. điều khiển. Kết quả kiểm tra phát hiện Ng. đang cầm trên tay trái 01 túi nylon màu vàng, bên trong túi có 01 hộp giấy chứa 01 máy nén khí màu đen bạc và phía dưới máy nén khí này có 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu; kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 49,6118 gam, loại Methamphetamine. Ng. khai đang mang ma túy đi bán cho người khác nên Công an đã đưa về trụ sở Công an Phường Z4, Quận 8 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Căn cứ lời khai ban đầu của Võ Lâm Hoàng Anh Ng. về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, lúc 16 giờ 00 phút ngày 05/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 8 khám xét khẩn cấp nhà số X, đường Y, phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở của vợ chồng Trần Văn H. và Võ Thị T.. Kết quả khám xét phát hiện thu giữ gồm:

- 01 gói nylon màu đen bên trong có chứa:

+ 03 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 129,2890 gam, loại Methamphetamine.

+ 02 gói nylon (được gói trong gói giấy) là ma túy thể rắn, có khối lượng 48,3900 gam, loại Methamphetamine.

+ 01 gói nylon có chứa 273 viên nén hình chữ nhật màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 89,6552 gam, loại MDMA.

+ 01 gói nylon có chứa 195 viên nén hình chữ nhật màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 64,3369 gam, loại MDMA.

+ 01 gói nylon chứa các mảnh vụn và bột của viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,1219 gam, loại MDMA.

+ 01 gói nylon chứa bột màu xám là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,9585 gam, loại MDMA.

+ 02 cân tiểu ly, 100 gói nylon rỗng, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 điện thoại di động và số tiền 70.000.000 đồng.

Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án đã được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh giám định và kết luận tại Kết luận giám định số 1613/KLGD-H ngày 14/11/2017.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 06/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 8 tiến hành bắt khẩn cấp đối với Võ Thị T.. Ngày 07/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố, lệnh bắt tạm giam đối với Trần Văn H. và đến ngày 13/3/2018 thì bắt được Trần Văn H..

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận:

Trần Văn H. khai khoảng tháng 6 năm 2017 thì bắt đầu quen biết một người đàn ông không rõ lai lịch tên gọi là Bu ở Hà Nội. Bu nói cho H. biết là có bán ma túy và nếu H. muốn mua thì Bu sẽ bán. Đến khoảng tháng 9/2017, H. đã gọi điện thoại cho Bu đặt mua ma túy được 02 lần.

Lần thứ nhất, H. mua 200 gam ma túy đá với giá 80.000.000 đồng và 02 ngày sau khi thỏa thuận xong thì có 01 người phụ nữ không rõ lai lịch đã giao ma túy cho H. tại Bến xe Miền Đông. H. trực tiếp trả đủ tiền cho người này.

Lần thứ hai, cách lần đầu khoảng 01 tuần, H. tiếp tục đặt mua 200 gam ma túy đá với giá 80.000.000 đồng và khoảng 500 viên thuốc lắc với giá 160.000 đồng/viên. Khoảng 02 ngày sau, cũng tại Bến xe M, người phụ nữ không rõ lai lịch đã tiếp tục giao cho H. số ma túy H. đặt mua và gửi thêm cho H. 01 bịch nylon nhỏ chứa ma túy loại Ketamine để giới thiệu cho khách. H. đã trả đủ tiền mua ma túy đá là 80.000.000 đồng, còn tiền mua thuốc lắc thì Bu cho H. nợ đến khi bán xong mới trả tiền.

Sau khi nhận được ma túy, Trần Văn H. đem về nơi ở là nhà thuê tại số X, đường Y để cất giấu, phân chia ra thành nhiều phần nhỏ bán lại cho người khác và sử dụng cho bản thân. Khi có người mua, H. trực tiếp thỏa thuận với người mua rồi gọi Võ Lâm Hoàng Anh Ng. đi giao ma túy, H. trả công cho Ng. từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. Bằng cách thức này, H. đã bán ma túy được từ 07 đến 08 lần, mỗi lần 01 bịch ma túy đá các loại với giá từ 600.000 đồng/gói 01 gam đến 1.200.000 đồng/gói 02 gam. Ngày 05/10/2017, có một người không rõ lai lịch dùng điện thoại gọi cho H. hỏi mua 50 gam ma túy đá và H. đã gọi Ng. đến nhà lấy ma túy đi giao nhưng Ng. chưa kịp giao thì bị bắt giữ. Sau khi Công an khám xét thu giữ ma túy tại nơi ở của H. và bắt giữ Võ Thị T., H. đã vứt bỏ thẻ sim điện thoại và bỏ đi không về nhà cho đến khi bị bắt.

Võ Thị T. khai nhận phù hợp với lời khai của Trần Văn H. về việc đã phụ giúp H. bán ma túy từ 07 đến 08 lần, nhưng T. không biết về người mua, khối lượng và loại ma túy đã mang đi giao cho khách mà chỉ thực hiện theo chỉ đạo của H. để H. cho tiền phụ giúp nuôi con gái ăn học và người em ruột bị bệnh T. thần. Do mâu thuẫn trong hôn nhân nhưng chưa ly hôn nên Trần Văn H. ít khi về nhà mà chỉ thỉnh thoảng ghé thăm con. Trước khi H. bị bắt, T. đã khai nhận mình là người cất giữ số ma túy thu giữ tại nhà để H. có điều kiện ở ngoài kiếm tiền nuôi con, nhưng khi biết là H. đã bị bắt thì T. xác định ma túy là của H. mang về cất giấu và chỉ khi nào H. gọi điện thoại yêu cầu thì T. mới giao cho Ng..

Võ Lâm Hoàng Anh Ng. khai nhận phù hợp với lời khai của Trần Văn H. và Võ Thị T. về việc đã phụ giúp H. bán ma túy từ 07 đến 08 lần, nhưng Ng. không biết về người mua, khối lượng và loại ma túy đã mang đi giao cho khách mà chỉ thực hiện theo chỉ đạo của H.. Khi đến lấy ma túy thì T. là người giao ma túy cho Ng.. Lần cuối cùng Ng. nhận đi giao gói ma túy vào ngày 05/10/2017 thì bị bắt.

Tiến hành đối chất với Võ Thị T. và Võ Lâm Hoàng Anh Ng., Trần Văn H. tiếp tục giữ lời khai là số ma túy cất giữ tại nhà là của H., khi có người mua thì H. gọi Ng. đến nhà lấy ma túy đi giao và H. trực tiếp trả tiền công cho Ng.. Võ Thị T. không biết về việc phân chia và bán ma túy như thế nào mà chỉ làm theo hướng dẫn của H.. T. có giao ma túy cho Ng. không thì H. không biết.

Ngoài số ma túy thu giữ của Võ Lâm Hoàng Anh Ng. và thu giữ tại nơi ở của Võ Thị T., Trần Văn H. còn khai nhận đã bán cho người khác khoảng từ 07 đến 08 lần mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 600.000 đồng/gói 1 gam đến 1.200.000 đồng/gói 2 gam; nội dung lời khai này của Trần Văn H. phù hợp với lời khai của Võ Thị T. và Võ Lâm Hoàng Anh Ng.. Tuy nhiên, do các bị can không nhớ chính xác về số lần, thời gian, số gói và khối lượng ma túy nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội để xác định Trần Văn H. cùng các đồng phạm đã bán ma túy 07 lần mỗi lần 01 gói ma túy có khối lượng 01 gam nên tổng số ma túy đã bán trước đó là 07 gam, loại Methamphetamine.

Đối với Nguyễn Hồng Phi T. là người điều khiển xe mô tô chở Võ Lâm Hoàng Anh Ng. đi giao ma túy và bị phát hiện bắt giữ ngày 05/10/2017, Nguyễn

Hồng Phi T.khai ngày 05/10/2017 được bạn là Võ Lâm Hoàng Anh Ng. rủ đi chơi nên điều khiển xe của Ng. nhưng không biết Ng. cất giữ ma túy để đi giao. Lời khai của Toàn phù hợp với lời khai của các bị can trong vụ án nên không có cơ sở buộc Toàn chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy đã thu giữ. Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 7 đã lập hồ sơ răn đe giáo dục quản lý tại địa phương.

Đối với các đối tượng tên Bu và người phụ nữ đã bán ma túy cho H. cũng như các đối tượng đã mua ma túy trong vụ án: Do Trần Văn H. và Võ Lâm Hoàng Anh Ng. khai không rõ lai lịch và chỉ giao dịch thông qua các số điện thoại di động nhưng không lưu lại nên Cơ quan điều tra không có cơ sở làm rõ để xác định truy tìm.

Tại Bản cáo trạng số 240/CT-VKS- P1 ngày 08/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn H. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); truy tố bị cáo Võ Thị T. và Võ Lâm Hoàng Anh Ng. về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo các điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn H. 20 năm tù. Phạt bổ sung 10 triệu đồng.

Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Thị T. từ 07 đến 09 năm tù. Phạt bổ sung 05 triệu đồng.

Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Lâm Hoàng Anh Ng. từ 07 đến 09 năm tù. Phạt bổ sung 05 triệu đồng.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn H., Võ Thị T., Võ Lâm Hoàng Anh Ng. khai nhận:

Bị cáo H. khai nhận toàn bộ việc mua bán ma túy tại nhà là do một mình bị cáo thực hiện. Bị cáo có nhờ Ng. đi giao ma túy cho khách và trả công cho Ng. còn toàn bộ tiền bạc giao dịch và thỏa thuận với khách mua là do bị cáo tự làm, vợ bị cáo không biết việc bị cáo mua bán ma túy.

Bị cáo Ng. khai nhận đã nhiều lần (07 lần) đến nhà H. và T. gặp T. để lấy ma túy giao cho khách theo yêu cầu của H.. Bị cáo T. thừa nhận đã 07 lần lấy ma túy trong tủ đưa cho Ng. để giao cho khách theo yêu cầu của H..

Luật sư Thân trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với 02 bị cáo H. và T.. Tuy nhiên, luật sư cũng xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T. không trực tiếp phân chia ma túy, việc giao dịch thỏa thuận mua bán ma túy với khách không pH. do bị cáo thực hiện, như vậy bị cáo T. không biết trọng lượng của bị cáo H. đã thực hiện là bao nhiêu? Do đó, xin Hội đồng xét xử xét xử bị cáo với trọng lượng bị bắt quả tang với vai trò đồng phạm giúp sức vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo pH. nuôi con còn đi học và 01 người em bị bệnh. Bị cáo phạm tội do bị lệ thuộc, học vấn thấp kém nên xin giảm nhẹ và khoan hồng cho bị cáo, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của các bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo.

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo T. và bị cáo Ng. phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án xét đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 05/10/2017, bị cáo Võ Lâm Hoàng Anh Ng. có hành vi cất giữ 01 túi nylon màu vàng, bên trong túi có 01 hộp giấy chứa 01 máy nén khí màu đen bạc và phía dưới máy nén khí này có 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 49,6118 gam, loại Methamphetamine. Và vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 05/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Quận 8 đã khám xét khẩn cấp nhà số X, đường Y, phường Z, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở của bị cáo Trần Văn H. và Võ Thị T.. Kết quả khám xét thu giữ 01 gói nylon màu đen bên trong có chứa:

+ 03 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 129,2890 gam, loại Methamphetamine.

+ 02 gói nylon (được gói trong gói giấy) là ma túy thể rắn, có khối lượng 48,3900 gam, loại Methamphetamine.

+ 01 gói nylon có chứa 273 viên nén hình chữ nhật màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 89,6552 gam, loại MDMA.

+ 01 gói nylon có chứa 195 viên nén hình chữ nhật màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 64,3369 gam, loại MDMA.

+ 01 gói nylon chứa các mảnh vụn và bột của viên nén màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,1219 gam, loại MDMA

+ 01 gói nylon chứa bột màu xám là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,9585 gam, loại MDMA.

Các bị cáo khai số ma túy bị thu giữ tại nhà của vợ chồng Võ Thị T. và Trần Văn H. là của bị cáo H., H. mua để bán lại kiếm lời. Khi có người mua thì H. gọi cho Ng. đến nhà T. và H. để lấy ma túy đi giao và trực tiếp trả tiền công cho H.. T. là người giao ma túy cho Ng. để Ng. đi giao ma túy. Tổng cộng Ng. đã phụ giúp H. và T. bán ma túy được 7 đến 8 lần.

Với hành vi như đã nêu trên của bị cáo xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì lợi nhuận nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, đây là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm. Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, đến sức khỏe của con người, làm lây lan tệ nạn nghiệp ngập trong xã hội mà còn gây khó khăn trong việc phòng chống tội phạm về ma túy và các tội phạm, tệ nạn khác. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Căn cứ vào số lượng ma túy mà các bị cáo đã cất giữ để mua bán, cụ thể bị cáo H. pH. chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 393,9835 gam ma túy ở thể rắn (gồm 337,3717 gam thu giữ tại nhà + 49,6118 gam thu giữ của Ng. + 07 gam đã bán 07 lần trước khi bị bắt) nên cần áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo H., đối với bị cáo Ng. pH. chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy là 56,6118 gam loại Methamphetamine (gồm 49,6118 gam thu giữ của Ng. + 07 gam đã bán trước đó) và thực hiện mua bán ma túy nhiều lần nên cần áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo Ng.. Đối với bị cáo T., Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã giúp sức cho H. cất giấu số ma túy bị thu giữ tại nhà và phụ giúp H. trong việc mua bán số ma túy, cụ thể đã nhiều lần (7 lần) giao ma túy cho Ng. theo yêu cầu của bị cáo H.. Do đó, bị cáo T. là đồng phạm với bị

cáo H. nên cùng pH. chịu trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Khi lượng hình cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo T., Ng. phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T., bị cáo Ng. phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, bị cáo H. và bị cáo T. là 02 vợ chồng trong cùng vụ án, nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo H., là người chủ mưu, cầm đầu, giữ vai trò chính trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên hình phạt của bị cáo H. pH. cao hơn so với các bị cáo khác. Ngoài ra, bị cáo H., bị cáo T. phạm tội nhiều lần cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 gói niêm phong ghi số 1613 (1,2)/2017 bên ngoài có chữ ký của giám định viên, bên trong là ma túy còn lại sau giám định, là vật cấm tàng trữ, lưu hành. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Nokia, thu giữ của bị cáo T.; 01 cái điện thoại di động Iphone, model A1453, thu giữ của bị cáo Ng., các bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy; 02 cân điện tử thu giữ tại nhà bị cáo T., là phương tiện phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; nhiều bịch nylon, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe hai bánh gắn máy trắng đen; Nhãn hiệu: Yamaha; Loại xe: 02 bánh; Số loại: Exciter; BS: 59M1-058.94; - SK: RLCE5P710BY053086 (sét mờ, ghi theo số cà); - SM: 5P71-053089 (sét mờ, ghi theo số cà), là xe của bị cáo Ng. để sử dụng đi bán ma túy. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 70.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Võ Thị T., là tài sản riêng của bị cáo T. nên trả lại cho bị cáo T. nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 2.000.0000 đồng thu giữ của bị cáo Võ Lâm Hoàng Anh Ng., là tiền riêng của bị cáo Ng. nên cần trả lại cho bị cáo Ng. nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[5] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, cần buộc bị cáo H., T. pH. chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Miễn phạt tiền đối với bị cáo Ng..

[6] Về án phí: Các bị cáo pH. chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H., Võ Thị T., Võ Lâm Hoàng Anh Ng. phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H. 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2018.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trần Văn H. nộp 10 triệu (mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T. 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2017.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Võ Thị T. nộp 05 triệu (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Võ Lâm Hoàng Anh Ng. 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2017.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 02 (hai) gói niêm phong ghi số 1613 (1,2)/2017 bên ngoài có chữ ký của giám định viên, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá;

- Nhiều bịch nylon

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) cái điện thoại di động Nokia;

- 01 (một) cái điện thoại di động Iphone, model A1453

- 02 (hai) cái cân điện tử

- 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy trắng đen; Nhãn hiệu: Yamaha; Loại xe: 02 bánh; Số loại: Exciter; BS: 59M1-058.94; - SK: RLCE5P710BY053086 (sét mờ, ghi theo số cà); - SM: 5P71-053089 (sét mờ, ghi theo số cà).

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 253/18 ngày 06/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

* Trả lại cho bị cáo Võ Thị T. số tiền 70.000.000 đồng nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/5/2018)

* Trả lại cho bị cáo Võ Lâm Hoàng Anh Ng. số tiền 2.000.0000 đồng nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/5/2018).

Các bị cáo pH. nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH. thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (6)
- Bị cáo; (3)
- Luật sư; (1)
- THAHS TAND TP.HCM; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Việt Tiên